

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thành và bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Tài Thị Ch, sinh năm: 1985 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn P3, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- Bị đơn: ông Thành Văn D, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn P3, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tài Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tài Thị Ch quen biết với ông Thành Văn D vào năm 2003. Sau một thời gian tìm hiểu vợ chồng tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 15/12/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số II). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Phước Nhơn 3, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và có 04 người con chung gồm: Thành Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2003; Thành Văn Q1 sinh ngày 24/5/2005; Thành Văn Q2, sinh ngày 08/5/2014 và Thành Ngọc Q3, sinh ngày 26/8/2015. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo bà Ch trình bày là do ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, uống rượu vô là đánh đập vợ con, bạo lực gia đình, chửi bới vợ con; khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhiều năm từ khi

cháu Q mới học lớp 3, bà Ch đã quá mệt mỏi và không còn tình cảm với ông D. Chuyện vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đều biết và do kéo dài nhiều năm nên cũng đồng ý cho bà ly hôn với ông D. Bà Tài Thị Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Thành Văn D.

Về con chung: Khi ly hôn bà Ch có nguyện vọng nuôi 04 con chung và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con, vì khi sống chung ông D cũng không chu cấp tiền nuôi con, từ trước đến nay các con đều do bà Ch nuôi. Bà Ch làm nghề nông thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng đủ nuôi 02 con nhỏ, còn hai cháu lớn đã đi làm tự lo được và đỡ đần bà Ch nuôi 02 em.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tài Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thành Văn D đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện Q3 nghĩa vụ của mình, nhưng ông D cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến của ông D đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Tài Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, Q3 hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Tài Thị Ch đã thực hiện đúng các Q3 và nghĩa vụ của mình; bị đơn ông Thành Văn D từ chối tham gia tố tụng, cố tình trốn tránh không thực hiện đúng các Q3 và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Tài Thị Ch được ly hôn với ông Thành Văn D. Về con chung: Giao 04 con chung cho bà Tài Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Tài Thị Ch có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Thành Văn D và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Nên có căn cứ xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Thành Văn D là người bị kiện có nơi cư trú tại thôn Phước Nhơn 3, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, nên vụ án thuộc thẩm Q3 giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Thành Văn D đã được thông báo đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định; nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tài Thị Ch và ông Thành Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được cơ quan Nhà nước có thẩm Q3 cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, từ khi cháu Q học lớp 3, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo bà Ch trình bày là do ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, uống rượu vô là đánh đập vợ con, bạo lực gia đình, chửi bới vợ con và bà Ch đã quá mệt mỏi. Bà Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và gia đình hai bên đã đồng ý, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Thành Văn D. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã Thông báo các văn bản tố tụng, thời gian mở phiên tòa; nhưng ông D từ chối tham gia tố tụng, cố tình trốn tránh nên được xem như từ bỏ thực hiện Q3 nghĩa vụ của mình và hậu quả pháp lý ông D phải chịu theo qui định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 25/11/2020 về tình trạng hôn nhân của bà Tài Thị Ch và ông Thành Văn D; chính Q3 địa phương xác nhận vợ chồng bà Ch, ông D hay xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do ông D không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, hay uống rượu, gây gổ và đánh đập vợ con. Từ đó, cho thấy lời trình bày của bà Ch về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Thành Văn D đã vi phạm nghiêm trọng Q3, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Tài Thị Ch xin được ly hôn với ông Thành Văn D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Tài Thị Ch và ông Thành Văn D có 04 người con chung gồm: Thành Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2003; Thành Văn Q1 sinh ngày 24/5/2005; Thành Văn Q2, sinh ngày 08/5/2014 và Thành Ngọc Q3, sinh ngày 26/8/2015. Sau khi ly hôn, bà Ch có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà Tài Thị Ch thì thấy: Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2020 thể hiện các con chung từ trước đến nay do bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không làm ăn lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con; các cháu Q và Q1 cũng xác nhận và có nguyện vọng ở với bà Ch. Cho thấy, ông D chưa làm tròn trách nhiệm của một người cha đối với các con. Về điều kiện kinh tế: Bà Ch trình bày hiện làm nghề nông thu nhập bình quân khoảng 3.000.000 đồng/tháng, nên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập. Xét thấy, bà Ch làm nghề nông, nên việc không cung cấp được

chứng cứ chứng minh là phù hợp với thực tế; nhưng căn cứ vào mức thu nhập lao động bình quân 100.000 đồng/ngày đối với nghề nông tại địa phương như bà Ch trình bày là phù hợp. Mặt khác, các cháu Q và Q1 hiện nay cũng đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân và phụ bà Ch nuôi hai em nhỏ; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Ch có đủ điều kiện để nuôi con chung phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Ông Thành Văn D làm nghề phụ hồ, thu nhập khoảng 250.000 đồng/ngày nhưng không ổn định, thường xuyên uống rượu đánh đập vợ con nên tạo ảnh hưởng xấu về tâm lý đối với các con chung và ông D từ chối tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con chung.

Vì vậy, việc giao 04 con chung cho bà Ch trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn ở với mẹ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Ch tự nguyện không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tài Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Tài Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tài Thị Ch đối với ông Thành Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tài Thị Ch được ly hôn với ông Thành Văn D.

2. Về con chung: Giao 04 con chung gồm Thành Thị Như Q, sinh ngày 08/8/2003; Thành Văn Q1 sinh ngày 24/5/2005; Thành Văn Q2, sinh ngày 08/5/2014 và Thành Ngọc Q3, sinh ngày 26/8/2015 cho bà Tài Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Thành Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Ch không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng Q3 của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có Q3, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Q3 yêu cầu Tòa án hạn chế Q3 thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014 các bên có Q3 yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Tài Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Tài Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Ch đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021565 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà Ch đã nộp đủ án phí*).

5. Về Q3 kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, Q3 kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/01/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
 - VKSND huyện Ninh Hải;
 - CCTHADS huyện Ninh Hải;
 - Các đương sự;
 - UBND xã X
- (GCNKH số 90 ngày 15/12/2004);
- Lưu HS + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm